

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG HÀ NỘI
KHOA NGOẠI NGỮ
BỘ MÔN TIẾNG ANH
-----***-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----***-----

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG ANH 3
Ngành đào tạo: Tất cả các ngành đào tạo (trừ Ngôn ngữ Anh)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: Tiếng Anh 3

Tiếng Anh: English 3

Mã học phần: DCB 04.05

Số tín chỉ: 4

Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động: (số lượng tiết)

- + Lý thuyết: (37 tiết lý thuyết)
- + Bài tập nhóm và thảo luận: (18 tiết làm bài tập)
- + Thực hành: (22 tiết thực hành)
- + Kiểm tra (3 tiết)

Khoa, Bộ môn phụ trách học phần:

Giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):

- Tên: Ths. Phạm Thị Thu Nga
- Chức danh: Giảng viên khoa Ngoại ngữ
- Thông tin liên hệ: (điện thoại, email): 0912.166.516, thunga.vica@gmail.com

2. Các môn học tiên quyết: Tiếng anh 2

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung: Sau khi học xong học phần Tiếng Anh 3, sinh viên có thể:

- Sử dụng vốn kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, phát âm đã được củng cố trong quá trình học để làm các dạng bài tập cơ bản cũng như chủ động tương tác hơn trong các tình huống giao tiếp hàng ngày.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

[Mục tiêu là các nội dung chung, hướng đi và cái muốn đạt được của một học phần từ quan điểm của người dạy]

Về kiến thức: Kết thúc học phần, sinh viên có thể:

- Phát âm tương đối rõ ràng dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và thường cần thương lượng để người tham gia hội thoại có thể hiểu.

- Có vốn kiến thức ngữ pháp, cấu trúc câu và vốn từ ở mức độ nâng cao về các cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày

Về kỹ năng: Sinh viên được phát triển 4 kỹ năng ở mức độ nâng cao: nghe, nói, đọc, viết ở mức độ nâng cao liên quan đến các tình huống quen thuộc hàng ngày.

Về thái độ:

- Có ý thức rèn luyện, sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh trong các tình huống quen thuộc trong đời sống.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

[Chuẩn đầu ra của học phần là kiến thức, kỹ năng, thái độ, hành vi cần đạt được của sinh viên sau khi kết thúc học phần].

4.1. Nội dung chuẩn đầu ra học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên:

CLO 01: Có khả năng **nhớ** được, liệt kê được toàn bộ chủ điểm ngữ pháp, các thời cũng như cấu trúc câu nâng cao đã được học.

CLO 02: Có khả năng **hiểu** được, diễn đạt, giải thích được cách sử dụng của từng thời cũng như các cấu trúc câu trong từng ngữ cảnh và tình huống giao tiếp cụ thể .

CLO 03: Có khả năng **vận dụng**, áp dụng được những kiến thức đã học để làm các bài tập thực hành, sử dụng ngôn ngữ và cấu trúc câu linh hoạt hơn trong các tình huống giao tiếp hàng ngày.

CLO 04: Có khả năng **phân tích**, đối chiếu, so sánh, chỉ ra được sự khác biệt của các tình huống, ngữ cảnh để chọn lựa từ vựng và các thời thích hợp.

CLO 05: Có khả năng **đánh giá**, liên kết được kiến thức cũ và mới nhằm tích lũy cho bản thân những phương án tối ưu cho mỗi dạng bài tập, mỗi tình huống giao tiếp.

CLO 06: Có khả năng **sáng tạo**, đưa ra được nhiều tình huống giao tiếp khác nhau để thực hành ngôn ngữ.

4.2. Ma trận nhất quán giữa phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá với chuẩn đầu ra học phần (CLO)

[Ghi chú: Khi xây dựng bảng này, xem mục 5.1 để về các hình thức kiểm tra, đánh giá mà giảng viên sử dụng khi giảng dạy học phần]

Hình thức đánh giá	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4	CLO 5	CLO 6
Chuyên cần (tham gia đủ 100% số buổi)	H	H				
Hoạt động cá nhân tại lớp (phát biểu, thảo luận, trả lời câu hỏi của gv)		M	M	M		
Hoạt động cá nhân tại nhà (tự học ở nhà theo giáo trình tự học được cung cấp)	M	H	M	M	M	L
Hoạt động nhóm (thảo luận các câu hỏi và đưa ra ý kiến. Đọc, dịch, trả lời câu hỏi các đoạn văn)	M	M			M	L
Thực hành (roleplay các tình huống giao tiếp)	M	M	M			L
Kiểm tra giữa kỳ (tự luận)	H	H	M	M	L	
Kiểm tra cuối kỳ (tự luận)	H	H	H	M	L	L

4.3. Ma trận nhất quán giữa phương pháp dạy học với chuẩn đầu ra học phần (CLO)

	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4	CLO 5	CLO 6
Dạy học nhóm	H	H	M	M	L	M
Nghiên cứu tình huống điển hình (Case study)		M	M	M	L	M
Trò chơi	H	H				

(Gamification)						
Dạy học theo dự án (Project-based learning)		H			M	M
Nêu và giải quyết vấn đề		M	M	M	L	L
Sử dụng công nghệ trong dạy học (máy móc, mạng online, phần mềm ứng dụng)	H					

4.4. Ma trận nhất quán các bài học với chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Chú thích: I: Introduction/ Giới thiệu

P: Proficient/ Thuần thục, đủ

A: Advanced/ Nâng cao

	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4	CLO 5	CLO 6
Bài 4.		I	I	I		I
Bài 5.		A	P	I	P	
Bài 6.	P	P	A		P	P
Bài 7.	A			I	I	I
Bài 8.	I	I		I	I	I
Bài 9.	P	P	P		I	I

5. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài vào các giờ tự học
- Đi học đầy đủ, đúng giờ và tích cực tham gia vào bài học và các hoạt động trên lớp
- Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao và nộp bài đúng thời hạn;
- Tham gia một bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần.
-

6. Học liệu:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

- Clive Oxenden, Christina Latham-Koening, Paul Selison, *New English File, Elementary Student's book*, Oxford University Press (2007);
- Clive Oxenden, Christina Latham-Koening, Paul Selison, *New English File, Elementary Workbook*, Oxford University Press (2007)

6.2. Tài liệu tham khảo:

- Murphy, Raymond, *English Grammar in Use*, (Trần Mạnh Tường dịch và chú giải) NXB Văn hóa – Thông tin (2012)
- Michael McCarthy, Felicity O'Dell, *English Vocabulary in Use Elementary*, Cambridge University Press (2010)
- Jonathan Marks, *English Pronunciation in Use Elementary*, Cambridge University Press (2007)

7. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần Tiếng Anh cơ bản 1 là khối lượng kiến thức của 06 bài trong cuốn giáo trình *New English File – Elementary* do các tác giả Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig và Paul Seligson biên soạn. Mô tả vắn tắt nội dung học phần được liệt kê trong bảng sau:

Ngữ pháp	Các thì: hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn, tương lai đơn, tương lai gần; hiện tại hoàn thành Tính từ sở hữu; Đại từ tân ngữ; Đại từ sở hữu; Sở hữu cách <i>Can + V, Like + V-ing</i> và <i>would like + to V</i> Mạo từ <i>a, an, the</i> và từ chỉ định <i>this, that, these, those</i> Giới từ chỉ thời gian Tính từ, trạng từ So sánh hơn và so sánh nhất của tính từ
Từ vựng	Số đếm, số thứ tự; tên nước, quốc tịch; đồ vật thông dụng; cụm động từ; nghề nghiệp; gia đình; tính từ thông dụng; hoạt động hàng ngày; các diễn đạt thời gian, ngày tháng; nhà cửa, đồ đạc; địa điểm; đồ ăn, đồ uống.
Phát âm	Bảng chữ cái và phiên âm quốc tế Nguyên âm, phụ âm; trọng âm từ, trọng âm câu Cách phát âm từ có tận cùng là <i>, s/es, ed</i>

	Các từ hợp vần
Nghe nói	Chủ đề: các tình huống quen thuộc hàng ngày: Thông tin cá nhân, gia đình, hoạt động hàng ngày, các khoảng thời gian yêu thích, miêu tả người, miêu tả nhà, miêu tả kỳ nghỉ. Kỹ năng: nghe và nắm ý chính, nghe thông tin chi tiết
Đọc hiểu	Đọc để tăng cường vốn từ về các chủ đề quen thuộc: bản thân, gia đình, bè bạn, đất nước, con người, công việc, cuộc sống, giải trí
Viết	Viết theo mẫu: điền thông tin cá nhân; viết thư/email giới thiệu bản thân, viết bưu thiếp; viết đoạn về khoảng thời gian yêu thích; viết đoạn tả một người bạn, viết đoạn tả kỳ nghỉ (khoảng 100 - 150 từ)

8. Kế hoạch giảng dạy:

	Ngữ pháp	Từ vựng	Phát âm	Đọc	Tự học	Thời gian
	File 04					
4A. From rags to riches	Present perfect (experience) + <i>ever, never</i> ; present perfect or past simple?	Clothes	Vowel sounds	Have you ever been to Zara store?	- Workbook 4A, 4B, 4C, 4D - Self-study Material Files 1,2	10 tiết trên lớp+ 4 tiết tự học
4B. Family conflicts	Present perfect simple + <i>yet, just, already</i>	Verb phrases	Consonant sounds	Problems with your teenage children	- Further activities	
4C. Faster, faster!	Comparatives, <i>as...as/less...than...</i>	Time expressions: <i>spend time, waste time, etc.</i>	Sentence stress	We're living faster but we're living better?		
4D. The world's	Superlatives	Opposite adjectives	Word stress	Big cities		

friendliest city	(+ever + present perfect)					
Practical English: Lost in San Francisco						
Writing: Describing where you live						
Revise & Check: What do you remember? What can you do?						
File 05						
5A. Are you a party animal?	Uses of the infinitive (with to)	Verbs+infinitive	Word stress	What to say (not to say) to people at the parties	- Workbook 5A, 5B, 5C, 5D - Self-study Material Files 3,4 - Further activities	09 tiết trên lớp+ 4 tiết tự học
5B. What makes you feel good?	Verb+ing	Verbs followed by-ing	-ing	What makes you feel good?		
5C. How much can you learn in a month?	Have to/don't have to, must/musn't.	Modifiers: a bit. really	Sentence stress	How much can you learn in a month?		
5D. The name of the game	Expressing movement	Prepositions of movements, sport.	Prepositions	Your most exciting sporting moments...		
Practical English: At a department store						
Writing: A formal e-mail						
Revise & Check: What do you remember? What can you do?						
Progress Test 1: Written Test						1 tiết
File 06						
6A. If something bad can happen, it will	<i>If+ present;</i> will+infinitive (first conditional)	Confusing verbs	Long and short vowels	Murphy's law	- Workbook 6A, 6B, 6C, 6D - Self-study Material Files 5,6 - Further	10 tiết trên lớp+ 4 tiết tự học
6B. Never smile at	<i>If+past;</i> would+infinitive	Animals	Stress and	Nature's perfect		

a crocodile	(second conditional)		rhythm	killing machine	activities	
6C. Decisions, decisions	<i>May/might</i> (possibility)	Word building; noun formation	Sentence stress, <i>-ion</i> endings	How to make decisions when you have to choose between possibilities?		
6D. What should I do?	Should/shouldn't	Get	Sentence stress	Radio FM-message boards		

Practical English: At the pharmacy

Writing: Writing to a friend

Revise & Check: What do you remember? What can you do?

File 07

7A. Famous fears and phobias	Present perfect or Past simple	Words related to fear	Long and short vowels	We're all afraid...	- Workbook 7A, 7B, 7C, 7D - Self-study Material Files 7 - Further activities	09 tiết trên lớp+ 4 tiết tự học
7B. Born to direct	Present perfect or Past simple	Biographies	Word stress	Hitchcock or Tarantino?		
7C. I used to be a rebel	<i>Used to</i>	School subjects: <i>history, geography, etc.</i>	Sentence stress; <i>used to/didn't use to</i>	A famous rebel-but he was really?		
7D. The mothers of invention	Passive	Verb; <i>invent, discover, etc.</i>	<i>-ed</i> , sentence stress	Did you know...?		

Practical English: A boat trip

Writing: Describing a building

Revise & Check: What do you remember? What can you do?

Progress Test 2: Spoken Test

01 tiết

File 08

8A. I hate weekends!	<i>Something, anything, nothing, etc.</i>	Adjectives ending in <i>-ed</i> and <i>-ing</i>	Vowel sounds	I hate weekends!	- Workbook 8A, 8B, 8C, 8D - Self-study Material Files 8	10 tiết trên lớp+ 4 tiết tự học
8B. How old is your body?	Quantifiers, <i>too, not enough,</i>	Health and lifestyle	Vowel sounds	How old is your body?	- Further activities	
8C. Waking up is hard to do	Word order of phrasal verbs	Phrasal verbs	Consonant sounds	Are you allergic to mornings?		
8D. “I’m Jim.” “So am I.”	<i>So/neither + auxiliaries</i>	Similarities	Sentence stress	“I’m Jim.” “So am I.”		
Practical English: On the phone Writing: Giving your opinion Revise & Check: What do you remember? What can you do?						
File 09						
9A. What a week!	Past perfect	Adverbs: <i>suddenly, immediately, etc.</i>	Revision for vowel sounds and sentence stress	Fact is always stranger than fiction	- Workbook 9A, 9B - Self-study Material Files 9	09 tiết trên lớp+ 4 tiết tự học
9B. Then he kissed me	Reported speech	<i>Say, tell, or ask?</i>	Rhyming verbs	Then he kissed me	- Further activities	
Revision: Grammar Quick grammar check for each file Vocabulary, Pronunciation Quick check of vocabulary, sounds, and word stress						
Progress Test 3: Written Test						01 tiết

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

- Tên giảng đường được bố trí sắp xếp ngay khi có lịch báo giảng
- Danh mục trang thiết bị (bao gồm cả phương tiện công nghệ): máy tính, máy chiếu, đài, loa, mic cho giảng viên.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá

10.1 Tiêu chí đánh giá:

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1.	Điểm chuyên cần: đánh giá mức độ thực hiện các nhiệm vụ sinh viên	Điểm đánh giá cho cả học phần	10%
2.	Điểm kiểm tra định kỳ	Điểm trung bình của các điểm	30%
3.	Điểm thi hết học phần	Điểm đánh giá cho cả học phần	60%

10.2. Cách tính điểm

- Sinh viên không tham gia đủ 80% số tiết học trên lớp sẽ không được tham dự thi kết thúc học phần và nhận điểm 0 cho lần thi thứ nhất;

- Điểm đánh giá thành phần được chấm theo thang điểm 100 và được làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là tổng hợp điểm của tất cả các điểm thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

10.3 Hình thức đánh giá

Hình thức	Phần trăm	Yêu cầu chung, mục đích, cơ sở lý luận, minh chứng
Kiểm tra-đánh giá thường xuyên trên lớp	10%	Yêu cầu chung: <ul style="list-style-type: none"> • Sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp • Sinh viên tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài • Sinh viên làm việc nhóm, thảo luận các câu hỏi được nêu ra trong bài • Sinh viên không sử dụng điện thoại, nói chuyện, làm việc riêng trong lớp
Kiểm tra- đánh giá định kỳ	30%	Yêu cầu chung: <ul style="list-style-type: none"> • Sinh viên nghiên cứu kỹ kiến thức đã được học

<p>2 bài kiểm tra trong quá trình học (progress Test1,2)</p>	<p>20%</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Vận dụng tốt vào các bài tập tương ứng từng nội dung học trên lớp và các bài tập bổ trợ ngoài cùng chủ điểm. <p>Mục đích:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Khuyến khích sinh viên tự ôn tập, đánh giá mức độ hiểu và vận dụng lý thuyết vào thực hành để có điều chỉnh kịp thời cho bản thân. • Dựa vào kết quả bài kiểm tra để có những điều chỉnh thích hợp trong quá trình giảng dạy. <p>Cơ sở lý luận: Hoạt động tổng hợp, tóm tắt lại kiến thức đã học giúp sinh viên củng cố và có khả năng vận dụng tốt hơn vào các bài tập thực hành.</p> <p>Minh chứng: Sinh viên sẽ được đánh giá mức độ nhớ, hiểu, vận dụng những kiến thức đã học dựa trên kết quả của bài kiểm tra.</p>
<p>Điểm trung bình của các bài chấm trong tài liệu tự học và kết quả các hoạt động thảo luận, làm việc nhóm trên lớp.</p>	<p>10%</p>	<p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến cho các hoạt động nhóm và trình bày kết quả. • Hoàn thành tốt các bài tập trong tài liệu tự học sau mỗi buổi học trên lớp. <p>Mục đích:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Khuyến khích sinh viên tự ôn tập qua các bài tập bám sát nội dung học trong tài liệu tự học. • Tích cực tư duy, phân tích và sử dụng ngôn ngữ một cách chủ động, sáng tạo hơn trong các tình huống cụ thể được phân công. <p>Cơ sở lý luận: Hoạt động này giúp sinh viên kết hợp thuận thực hơn giữa lý thuyết và thực hành, phát triển đều cả kỹ năng làm bài và kỹ năng nghe nói.</p> <p>Minh chứng: Sinh viên sẽ được đánh giá mức độ nhớ, hiểu, vận dụng những kiến thức đã học dựa trên kết quả của bài tập được giao và kết quả của các hoạt động nhóm.</p>

Thi hết học phần	60%	<p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sinh viên ôn tập, tóm tắt lại toàn bộ kiến thức, từ vựng, chủ điểm ngữ pháp đã học • Làm lại các bài tập thực hành tương ứng với từng chủ điểm lý thuyết. • Tham khảo các dạng bài tập tương tự <p>Mục đích:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Kết quả của bài kiểm tra- đánh giá là căn cứ để phản ánh tình hình giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên, so sánh kết quả đạt được với chuẩn đầu ra từ đó có những đánh giá về mức độ phù hợp giữa cách thức, phương pháp với đặc điểm của đối tượng.
-------------------------	------------	---

10.4. Chính sách trong kiểm tra, đánh giá:

- Sinh viên vắng mặt quá 20% số buổi sẽ không được làm bài thi kết thúc học phần.
- Có điểm thưởng cho sinh viên tích cực phát biểu, ham học hỏi, có sự sáng tạo trong thảo luận, tranh biện.
-

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2019

Hiệu trưởng

P.Trưởng Khoa

Trưởng BM

Người soạn đề cương

PGS.TS. Phạm Ngọc Ánh

Ths. Nguyễn Thị Định

Ths. Nguyễn Thị Định

Ths. Nguyễn Thị Định